

NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO NHẬT BẢN THỜI KỲ KAMAKURA (1180 -1333)

CUNG HỮU KHÁNH

Viên Nghiên cứu Đông Bắc Á

Thời đại Kamakura là thời kỳ chứng kiến những chuyển biến giảm sút về quyền lực của chính quyền Trung ương và vai trò thống trị của triều đình Kyoto.

Sự suy thoái của thể chế chính trị Kyoto và sự suy giảm quyền kiểm soát đất nước của triều đình đã tạo điều kiện cho các thủ lĩnh quân sự khởi sự đặt nền móng cho một xã hội mới, độc lập với hình thái cũ do triều đình thiết lập.

Tầng lớp võ sỹ quý tộc (Samurai) trước đây là thủ lĩnh của các thị tộc, nay trở thành các lãnh chúa, chiếm cứ rất nhiều thái ấp ở các địa phương. Họ liên kết với nhau tạo thành những tập đoàn quân sự hùng mạnh. Cuộc chiến tranh khốc liệt giữa hai dòng họ Taira và Minamoto đã khiến cho chế độ nhiếp chính của dòng họ Fujiwara kéo dài bị sụp đổ hoàn toàn, hình thành thể chế Kamakura.

Thời đại Kamakura và những giai đoạn tiếp theo đó đã chứng kiến khá nhiều đổi thay to lớn trong đời sống xã hội và văn hoá Nhật Bản. Những biến đổi đó đã đặt nền móng vững chắc cho sự hình thành một bản sắc dân tộc, năng lực tư duy, sự tinh tế cảm nhận cuộc sống, cảm thụ nghệ thuật và lối ứng xử của người Nhật Bản, thể hiện rõ nét bởi đặc trưng của văn hoá dân tộc truyền thống.

Nghệ thuật Phật giáo thời Kamakura cũng vì vậy đã được kế thừa truyền thống và phát triển, khởi sắc rực rỡ.

Từ cuối thế kỷ XII, Phật giáo lại được hồi sinh và phát triển mạnh mẽ với đặc điểm nổi bật nhất là tính bình dân. Lúc này Phật giáo đã được truyền bá rộng rãi trong mọi tầng lớp dân chúng. Phật giáo khi được phổ biến rộng rãi, dần dần mang tính dân tộc và màu sắc Nhật Bản.

Đương thời Phật giáo chia làm nhiều tông phái, mang màu sắc riêng và có những tín đồ riêng trong dân cư. Sự phát triển của Phật giáo Thiền (Zen) là hiện tượng đặc biệt trong lịch sử tôn giáo Nhật Bản nó có ảnh hưởng rất lớn trong xã hội, lan toả, thấm thấu trong nếp tư duy và tình cảm, trong nghệ thuật, văn học và trong cả nếp sống ứng xử của người Nhật Bản.

Đạo Thiền rất phù hợp với tinh thần kỷ luật và tính khắc kỷ của võ sỹ nên đã được tầng lớp này hết sức ủng hộ, khiến cho nó trở thành giáo phái có ảnh hưởng rộng và uy tín lớn.

Các tu sỹ phái Thiền tông có vai trò chủ đạo trong lịch sử phát triển các hình thức nghệ thuật của Nhật Bản như kịch No, kiến trúc và hội hoạ... Những ảnh hưởng mới từ Trung Hoa do các tu sỹ Thiền tông đem về đã tạo nên những nét đặc sắc cho hội hoạ Nhật Bản, đặc biệt là các loại tranh vẽ phong cảnh một màu của Trung Hoa. Ngoài ra còn có ba loại hình nghệ thuật mà sau này trở thành tiêu biểu cho văn hoá Nhật, đó là nghệ thuật vườn cảnh, nghệ thuật cắm hoa và nghệ

thuật trà đạo... Tuy nhiên ở bài viết này chỉ đề cập đến nghệ thuật kiến trúc, hội họa và điêu khắc đương thời.

Thời kỳ này có thể nói là thời kỳ khôi phục lại tín ngưỡng thứ dân. Triều đình thường cổ vũ cho tư tưởng Thần quốc. Đến thế kỷ XII sự hỗn hợp tư tưởng Thần đạo và Phật giáo đã hoàn thành. Thần đạo chịu ảnh hưởng rất nhiều của Phật giáo, nó được thể hiện ở mọi lĩnh vực kể từ lý luận đến thực tiễn, đời sống xã hội và nghệ thuật văn chương...

Kiến trúc hội họa và điêu khắc Nhật Bản thời kỳ này rất phát triển. Có rất nhiều tác phẩm có giá trị ra đời. Những chuẩn mực thẩm mỹ của Bakufu đã tác động tới kiến trúc và trang trí đền chùa, tu viện

Có ba điều đáng lưu ý trong thời đại Kamakura: Một là mối bang giao với nhà Tống ở Trung Hoa, hai là sự gia nhập của Phật giáo Thiên với sự thành lập của 3 tông phái mới: Chân tông, Nhật Liên tông và Thần tông, cuối cùng là ảnh hưởng của tinh thần quân sự và tư tưởng tôn giáo đối với nghệ thuật. Từ đó, dưới ảnh hưởng của Thiên Tông, một phong cách nghệ thuật mới đã được phát triển lên khác hẳn so với nghệ thuật Phật giáo cũ, đặc biệt là cuối thời kỳ Kamakura và trong thời kỳ Muromachi sau đó.

1. Nghệ thuật kiến trúc

Cùng với việc nối lại quan hệ với Trung Hoa, nền kiến trúc Nhật đã tiếp nhận một sức sống mới. Đầu kỳ Kamakura có 3 phong cách kiến trúc khác nhau. Một là phong cách bản địa (Wago) truyền thống, hai là phong cách Ấn Độ (Tenjiku yo) (Thiên trúc dạng) du nhập từ Trung Hoa từ khi trùng tu tu viện Nara và thứ ba là phong cách Trung Hoa gọi là Kara yo (Đường dạng) du nhập vào cùng với Phật giáo Thiên.

Bản địa là sự hồi sinh của nghệ thuật bản địa với cách xây dựng và kỹ thuật tảo bạo, đầy sức mạnh. Trong khi đó phong

cách Ấn Độ hoà với phong cách bản địa mới và mất dần đi tính độc lập. Phong cách thứ ba Kara yo có vị trí quan trọng nhất, không chỉ trong thời kỳ Kamakura mà còn cả trong những bước tiếp theo của kiến trúc Nhật Bản.

Lúc này, phong cách này phát triển độc lập với việc xây chùa Thiên Tông, nhưng sau đó, phong cách Kara yo mới, được biến đổi bởi một số yếu tố của phong cách bản địa, đã tạo nên những bước đáng kể và để lại một phong cách bền vững và thịnh đạt ở những thời đại sau. Phần lớn các công trình xây dựng thời kỳ Kamakura còn lại đều mang đặc điểm của phong cách kiến trúc lai tạp.

Kiến trúc thuần bản địa thể hiện rõ nhất ở toà Sanjusange ở Kyoto và cổng tháp của chùa Ishiyamadera ở Oni.

Đặc trưng nổi bật của kiến trúc Ấn Độ là các khuỷu rậm chùa được gắn vào tường, chân (daito) hình đĩa và hình dáng đặc biệt của các đầu rậm. Đặc điểm phong cách này là kiến trúc của các công trình Nandaimon (Nam Đại Môn) của chùa Daibutsu ở Nara hay kiến trúc của toà đại chính điện, toà Amidado của chùa Joddo ở tỉnh Harima.

Phong cách Kara yo mới khác với Kara yo thời Lục triều, khi lần đầu tiên Phật giáo vào Nhật Bản ở những hình dáng cột, con sơn, mái hiên, cửa dài, cửa sổ và trong cách lát gạch nền. Nội thất của phong cách kiến trúc mới hoặc để trơn, hoặc tô màu hết sức đơn giản, hình thức trang trí duy nhất là chạm khắc phù điêu. Tiêu biểu là kiến trúc của toà Shariden của Tự viện Engaku

Phong cách lai tạp bản địa Trung Hoa-Ấn Độ nổi lên hồi giữa thế kỷ XIV và phát triển trong thời kỳ Muromachi sau đó. Thể hiện rất rõ nét trong kiến trúc của toà chính điện của chùa Taimudera ở Yamato và lầu trống của nhà Toshodai ở Yamato. Còn phong cách thiên tông

thường triển khai trên một mặt bằng có quy mô lớn, rất phức tạp. Các nhà được xây dựng trên một khuôn viên chữ nhật, mặt quay về hướng nam, các toà nhà chính nằm trên một đường thẳng chạy từ Nam lên Bắc ở chính giữa khuôn viên. ở đầu cực Nam có cổng Somon (Tổng môn) để cho dân chúng đi qua. Tiếp đó là một khuôn nổi hình vuông có cầu đá bắc qua, qua cầu đá là đến một cổng lầu hai tầng gọi là Samon. Sau đó Butsuden (Phật điện), đằng sau Phật điện là thuyết pháp đường (Hatto), cuối cùng là khu nhà tâng, gồm Hojo và Kuri. Tất cả kiến trúc đó đều nằm trên trục chính ở giữa. Phía trước Đông và Tây của đường trục có tháp chuông, nhà tàng kinh, nhà tắm, nhà vệ sinh và nhà toạ thiền để các sư ngồi thiền định...

Ở Kyoto và Kamakura có 5 tự viện lớn của phái Thiên tông. Trong các tông phái thường có những nét riêng phụ thuộc vào tính cách của người sáng lập tông phái. Các tín đồ đều tập trung ở toà đường này. Đó cũng là đặc trưng nổi bật nhất của Phật tự diễn ra trong các toà đường thất của tông phái mới phát triển thời Kamakura.

Các điện thờ đạo phật và thành quách, mái được lợp bằng ngói, còn những tấm ván che được làm bằng vỏ và gỗ cây bách. Về kiến trúc nhà ở xây dựng theo kiểu mới gọi là Buke Dzukuni (kiểu pháo đài) có tường vây quanh, cổng vững chắc và có chỗ ở cho lính gác. Nó tương tự kiểu nhà Shinden Dzukuri (Kiểu đền chùa) ở Kyoto nhưng có phần sang trọng hơn, khuynh hướng cầu kỳ đã được thay thế bằng tính giản dị của thẩm mỹ Thiên.

2. Nghệ thuật hội hoa

Hội hoa thời Kamakura mang xu hướng hiện thực chủ nghĩa. Nó được thể hiện dưới nhiều dạng như bình phong, tường nhà, cửa trượt. Các bức vẽ trên bình phong và cửa trượt thường được vẽ bằng mực một màu và dưới dạng khổ

hẹp. Còn tranh cuộn có rất nhiều đề tài đa dạng. Khoảng cuối thời Kamakura hầu như tất cả các đền chùa quan trọng đều có tranh cuộn có nguồn gốc từ Phật giáo hoặc về cuộc đời của các vị sư tổ. Ngoài ra, còn có các cuộn tranh kết hợp vẽ chân dung và thi pháp hội hoa.

Thời Kamakura, việc thông thương với nhà Tống trở nên sôi động, đặc biệt khi Tairano Kimoyori mở cảng Hiyogo để giao tiếp với nước ngoài. Hệ quả của việc này có hai mặt vật chất và tinh thần, nghĩa là buôn bán và trao đổi viếng thăm giữa tầng sư hai nước, mỗi mặt đều được dùng làm phương tiện du nhập. Nghệ thuật Trung Hoa lúc này đã đạt tới mức huy hoàng, trau chuốt trình độ thể hiện tinh tế của nó đã thu hút lòng mến mộ của người Nhật. Tôn giáo Thiên được Dogen và Eisai đưa vào Nhật Bản đã ngày càng chiếm vị trí cao trong xã hội. Từ đó, nghệ thuật Thiên đã không ngừng phát triển. Tinh thần mới về thời đại đã bộc lộ tự nhiên trong hội hoa, có những phong cách khác nhau, cũ và mới, song tất cả đều mang một sức sống mới.

Tranh thời kỳ này phần lớn là tranh Phật giáo, những bức có liên quan đến Tịnh độ giáo (Jodo - kyo) được ưa chuộng nhất. Các họa sỹ vẽ tranh này nhìn chung đều theo phong cách cũ.

Từ giữa thế kỷ XIII ảnh hưởng của triều Tống, Nguyên Trung Hoa ngày càng sâu sắc và thúc đẩy bởi tông phái Thiên. Đề tài La hán và Thập điện Diêm Vương là rập khuôn theo Trung Hoa.

Sự phát triển của hội hoa lúc này được thể hiện rõ rệt nhất ở việc sáng tác các tranh cuộn hoặc Ene Kimono. Những loại tranh này thuần túy Nhật Bản ở kiểu cách phát triển, các thể hiện sinh động, đầy sức sống các đề tài lịch sử, huyền thoại tôn giáo và cuộc đời các tăng. Thời đại này được mệnh danh là thời đại tranh cuộn cùng sự phong phú của nó. Nghệ thuật chân dung cũng phát triển, đề tài

được ưa thích là những bức họa về đề tài võ sĩ hoặc cao tăng.

Các đề tài trên đã được các họa sĩ của cả bốn trường phái Kose, Takane, Kasuga và Tosa thể hiện, song đều không có những phong cách riêng như giai đoạn sau này. Trong số các họa sĩ của phái Kose tiêu biểu có Arihita, Korrehisa và Yukitada. Trường phái Takuma có các họa sĩ nổi tiếng như Shoga, Seinin, Tameyuki, Eigu và Kyosion

Các trường phái Tosa và Kasuga vẫn duy trì phong cách bản địa gọi chung là phong cách Yamato tương phản với phong cách Trung Hoa, sau này hai phái đã hợp lại làm một.

Fujiwara Nobuzake con trai của Takaro là một họa sĩ vẽ chân dung nổi tiếng thời Kamakura.

Fujiwara Yoshimitsu cuối thời Kamakura là tác giả của rất nhiều tranh cuộn minh họa cuộc đời đức Honen Shoin.

Hogen Eni là họa sĩ bậc thầy nổi danh với bức họa về đời Ippen Shoin... Fujiwara Nagataka rất thành công trong việc hòa hợp hai trường phái Tosa và Kasuga. Ông cũng là tác giả của cuốn tranh cuộn nổi tiếng minh họa cuộc chiến chống Mông Cổ.

Takashine Takahane là một đại danh họa đương thời, ngoài ra còn có nhiều họa sĩ tài ba của các trường phái khác.

Tranh thời Kamakura có thể phân thành ba thể loại: tranh chân dung, tranh Phật giáo, tranh cuộn.

Tranh Phật giáo được ưa chuộng thường là tranh Adida và các thị giả

Phong cách vẽ tranh Phật mới được phái Takura phát triển dưới ảnh hưởng của phong cách Tống, tranh được vẽ màu trên lụa và được dựng thành 6 bức, mỗi bức hai hình, đường nét thể hiện bằng những đường nét uốn lượn khoáng đạt, màu sắc rực rỡ đây tương phản với cái

chất trầm tĩnh của phong cách cổ được chuyển sang một không khí sống động.

Các tranh Phật thời kỳ Fujiwara và Kamakura được tàng trữ trong tu viện Daigo gần Kyoto, đều là những tác phẩm tuyệt mỹ của nghệ thuật Phật giáo.

Tranh chân dung thời Kamakura vẽ các nhân vật lớn đương đại cũng như trong lịch sử. Trong chùa Ninra ở Kyoto còn có một bức chân dung Thái tử Shotoku Taishi là nhân vật được sùng kính ngưỡng mộ. Đặc biệt lần đầu tiên hình tượng chiến sỹ đã được đưa lên chân dung, đó là bức họa Yoritomo vị tướng quân đầu tiên của nhà Kamakura. Về tranh cuộn minh họa các cuộc chiến đấu nổi tiếng thì bộ truyện kể Heiji là đẹp và tiêu biểu nhất.

Tất cả tranh cuộn thời kỳ Kamakura đều là những tác phẩm tinh tế, rực rỡ màu sắc, có những tranh cuộn vẽ trắng đen trên giấy, trong sáng đẹp và mang tâm hồn nhẹ nhàng hơn...

Nhìn chung, hội họa thời này mang tính chất hiện thực, đa dạng và chủng loại, phong phú về đề tài và tràn ngập tinh thần Phật giáo. Hội họa Phật giáo của Nhật Bản thường thể hiện các tín ngưỡng trong các tác phẩm, diễn tả chân lý của đạo Phật qua sự miêu tả hình tượng các vị thần và mối quan hệ với họ.

Việc thường ngoạn các tác phẩm làm người ta dễ đến với đạo Phật, tranh họa biểu thị sự sùng kính với đối tượng thần thánh được miêu tả, đồng thời cũng cuốn hút và gây ấn tượng sâu sắc với tín đồ bằng vẻ đẹp hình tượng, làm sâu sắc thêm các giáo lý và lời thuyết giáo thông qua thuyết pháp.

Sự miêu tả các lời răn trong kinh Phật được thể hiện tập trung qua hình tượng các vị thần tăng, tiểu đồng, nhạc công được trang trí trên các vách trụ cột, trần nhà rất phong phú tại các đền chùa thờ Phật. Chúng tạo thêm không khí huyền

bí, trang nghiêm của các buổi lễ cầu nguyện, các buổi thuyết giáo. Những hình tượng trên bàn thờ, thường tăng thêm sự mỹ lệ và cũng khiến cho bàn thờ thêm hoàn hảo. Hội họa tôn giáo kể cả miêu tả các Kami hoặc các vị Thần Phật giáo tạo cho người ta sự hiện hữu về thần, phật.

Cũng như ở Trung Hoa, hội họa Nhật Bản luôn có quan hệ gắn gũi với thi ca và nghệ thuật viết chữ. Do tiếp xúc với văn hoá Trung Hoa, các họa sỹ vẽ mực tàu, ở Nhật đã mở rộng các đề tài phong cảnh kết hợp giữa thơ và họa. Sự phát triển của hội họa Kamakura thực sự là bước đệm giữa hai thời kỳ, thời kỳ đầu Phật giáo ở Nhật Bản và giai đoạn phát triển thịnh đạt sau này.

3. Nghệ thuật điêu khắc

Bước sang thời kỳ Kamakura, nghệ thuật điêu khắc đã có bước phát triển mới khi vị tướng quân Kamakura đầu tiên là Yorimoto đốc tiền khởi công xây dựng lại các đền chùa Phật giáo ở Nara, như các tự viện ở Todai các tự viện khác cùng với việc xây dựng tướng phủ ở Kamakura.

Cùng với việc xây dựng lại chùa là nhu cầu rất lớn về tượng Phật, tạo cơ hội cho các nhà điêu khắc chứng tỏ tài năng. Những nhà điêu khắc bậc thầy như Unkei, Koikei, Yokei đều tận hưởng được cơ hội này.

Đặc trưng rõ nét nhất của điêu khắc thời Kamakura là hoạt động hiện thực của tâm hồn và tinh thần thượng võ. Do đó, điêu khắc thời này thể hiện hình tượng động tác anh hùng quả cảm. Điêu khắc đẹp nhất của Kamakura nổi bật về sự sống động, khoẻ khoắn được thể hiện trên chất liệu gỗ mộc, không màu sắc hay trang trí cầu kỳ, khác với điêu khắc Asuka và Tempyo. Tác phẩm điêu khắc Kamakura với những nét đục phóng khoáng và uy mãnh. Đa thị người được quan tâm hơn là nét mặt trầm tĩnh, thanh

cao như thường thấy trong các kiệt tác thời kỳ Fujiwara.

Chủ nghĩa tự nhiên là đặc điểm nổi bật của điêu khắc thời kỳ Kamakura, trong số các nghệ nhân hàng đầu có Kokie và trường môn đồ của ông là Kaikei Unkei cũng là nhà điêu khắc ưu tú nhất, là người đồng đại và cũng là đối thủ của Kaikei, họ là đại diện cho hai trường phái điêu khắc Kamakura.

Kokei là thân phụ của Unkei, ông là người khởi xướng và đã tách khỏi những ảnh hưởng truyền thống, nhấn mạnh việc miêu tả các động tác oai nghiêm, thay cho tư thế thư thái cổ, tác phẩm của ông đã thúc đẩy sinh lực cho các họa sỹ sau này.

Unkei là con trai của Kokei là một nhà điêu khắc lớn, ông rất thành công trong việc thể hiện tinh thần thời đại mới. Ngay cả khi đề tài có tính trầm lắng, ông cũng bắt được sự tiềm ẩn bên trong và thể hiện bằng những nét tạc đầy sức sống.

Kaikei học trò của Kokei thường thể hiện tư tưởng mới trong cách làm đẹp các hình thái cổ và rất thiện nghệ trong cách thể hiện các đề tài hoà bình như Phật, Bồ tát. Ông đã để lại những tác phẩm có ký danh như pho Thích Ca Mâu Ni trong toà Tacando ở Zeze, tỉnh Onei pho Jizo (Địa tạng) ở Tự viện Todai và nhiều tượng ở các tỉnh.

Có một khuynh hướng duy nhất trong điêu khắc Kamakura chưa từng phát triển trong lịch sử điêu khắc Nhật Bản. Đó là việc tạo ra các vị thần và Phật của Thần đạo khoả thân. Tiêu bản tượng khoả thân duy nhất thể hiện Benzaiten (Biện tài thân), nữ thần âm nhạc là tượng ngôi đền Thần đạo Tsurugaoka Hachimangu ở Kamakura.

Giá trị to lớn nhất của điêu khắc Kamakura là thu được thành tựu to lớn trong chất liệu gỗ, nhưng cũng có biệt lệ như pho tượng đồng Adida ở Kamakura nổi tiếng khắp thế giới.

Nhìn chung, chủ nghĩa tự nhiên là đặc điểm nổi bật của điêu khắc đương thời. Việc trùng tu chùa Todai và Kojjuku cùng những ngôi đền lớn ở Nara trong suốt những năm 1180 - 1190 đã khiến nghệ thuật điêu khắc trở thành hoạt động trung tâm. Nghệ thuật được cải tiến với kỹ thuật ghép khối gỗ.

Tuy nhiên, điêu khắc thời Kamakura vẫn chịu ảnh hưởng của phong cách Trung Hoa về kiểu dáng. Những bức tượng mạ đồng, mạ vàng được sản xuất khá nhiều, nhưng những vật liệu như đất sét, sơn mài vẫn còn được sử dụng rộng rãi.

Bức tượng đồng mạ vàng thần Kannong ở chùa Hiruyji tiêu biểu cho điêu khắc thế kỷ XII. Ngoài ra, còn có một công trình khác là bộ ba bức tượng của tượng đài Phật tổ Danhy bằng đồng mạ vàng ở Kushi.

Chịu ảnh hưởng của Thiên, còn có một nghệ thuật khác mô phỏng về chân dung gọi là "Chinso" cũng được du nhập vào Nhật Bản. Những nhà điêu khắc thời Muromachi và Tokugawa sau này cũng chỉ sao chép mô phỏng ban đầu còn phần lớn thợ điêu khắc khác thì chuyên về kiến trúc nhiều hơn. Chỉ có một số công trình của thợ điêu khắc di cư từ Enku là còn đôi chút sáng tạo. Phần lớn các thợ điêu khắc chuyên nghiệp thì chuyển sang sản xuất đồ vật trang trí có tính nghệ thuật kiến trúc.

Trong điêu khắc gỗ, các nghệ nhân Kamakura đã sáng chế ra những kỹ thuật để tách lõi gỗ, thực nghiệm bằng cách đục một hõm sâu từ lưng của bức tượng từ vai tới mắt cá chân. Đến thời gian sau là sử dụng gỗ đa khối, tiêu biểu cho kiểu dáng bản địa là tượng Phật Amida ở chùa Biodou thuộc Kyoto. Bức tượng được tạc bằng gỗ bách với những kỹ xảo ghép khối gỗ, trong đó các khối gỗ khác nhau lần đầu tiên được xếp thành hình tượng

Phật và được khoét một cách cẩn thận trước khi lắp ghép...

Tóm lại, các sản phẩm điêu khắc Nhật Bản đều được thể hiện đặc trưng bởi sự hoàn hảo tuyệt vời của hình dáng bên ngoài và những kỹ xảo độc đáo, điêu luyện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GB. Sansom. *Lược sử văn hoá Nhật Bản*. Nxb KHXH. HN, 1990.
2. Edwin O. Rechauer. Người dịch Nguyễn Nghị, Trần Bích Ngọc. *Nhật Bản quá khứ và hiện tại*. Nxb KHXH. HN, 1994.
3. Richard Bouring and Peter Kornicki *Bách khoa thư Nhật Bản*, Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản. HN, 1995.
4. Vũ Hữu Nghị dịch. *Tìm hiểu Nhật Bản*, Nxb KHXH. HN, 1991.
5. Phạm Ngọc Liên, Đinh Ngọc Bảo, Trần Thị Vinh. *Lịch sử Nhật Bản*. Nxb Văn hoá. HN, 1995.
6. Josep M. Kitagawa. Người dịch Hoàng Thị Thơ. *Nghiên cứu Nhật Bản*, Nxb KHXH. HN, 2002.
7. *Những con đường tâm linh Phương Đông. Phần II: Những tôn giáo Trung Hoa và Nhật Bản*. Nxb Văn hoá - Thông tin. HN. 2000.
8. Noritake Isuda. *Sở tay nghệ thuật Nhật Bản*. Nxb KHXH. HN, 1990.
9. Hồ Hoàng Hoa chủ biên. *Văn hoá Nhật những chặng đường phát triển*. Nxb KHXH. HN, 2001.
10. Chủ biên Trần Trọng Thường. *Một thế kỷ văn minh thế giới*. Nxb Văn hoá - Thông tin. HN, 1999.
11. Edward W. Said. Người dịch Lưu Đoàn Huynh, Phạm Xuân Ri. *Đông Phương học*. Nxb Chính trị quốc gia. HN, 1998.
